

Bản án số: 123/2022/HS-PT
Ngày: 18-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 87/2022/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2022; đối với bị cáo Dương Anh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2022/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Dương Anh T**, sinh năm 2000 tại tỉnh Bến Tre; Trú tại: số H, ấp BT, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Giới tính: Nam; **Dân tộc:** Kinh; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Tôn giáo:** không, **con ông** chưa xác định (do Giấy khai sinh không ghi tên cha), con bà Dương Thị L; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: không; Tiền sự: Tại Quyết định số 48/QĐ-XPHC ngày 20/8/2021 của Công an xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” chưa nộp phạt; bị cáo tại ngoại, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 28/01/2022, Dương Anh T đến Công ty chế biến dừa ĐVP ở ấp BC, xã BP, thành phố Bến Tre để thu mua phế liệu. Tại đây, sau khi thu mua phế liệu xong, T thấy chị Nguyễn Thị Trúc L (là quản lý kho của công ty) điều khiển xe đi ra ngoài và biết chị L thường để tiền trong tủ bàn làm việc nên nảy sinh ý định lấy trộm. Để thực hiện ý định, T lén lút đến bàn làm việc của chị L mở cửa tủ

và lấy của chị L số tiền 67.800.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, T cất giấu trong người rồi đến gặp Vũ Thị Phương L (sinh năm 1978) trả cho L số tiền 2.000.000 đồng do T mượn trước đó và gửi cho L giữ dùm số tiền 28.350.000 đồng. Số tiền còn lại T sử dụng mua thẻ cào điện thoại để nạp chơi game bắn cá, tiêu xài cá nhân và còn cất giữ lại 12.000.000 đồng. Sau đó, hành vi của T bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung J71+, màu đen;
- Tiền Việt Nam 67.800.000 đồng .

Quá trình điều tra, Dương Anh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan, người làm chứng, kết quả thực nghiệm điều tra và các chứng cứ khác đã thu thập được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Trúc L số tiền 67.800.000 đồng và trả lại cho bị can T 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung J71+, màu đen. Hiện bị hại không yêu cầu gì thêm và có đơn yêu cầu không xử lý hình sự đối với T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Dương Anh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Dương Anh T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/8/2022 bị cáo Dương Anh T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt tù và **cho bị cáo được hưởng án treo.**

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm, bị cáo xác định kháng cáo là yêu cầu được hưởng án treo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa thể hiện như sau. Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Dương Anh T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xác định kháng cáo là yêu cầu được hưởng án treo, bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo, với mức hình phạt 01 năm 09 tháng tù là tương xứng nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Dương Anh T

phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Anh T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Lời nói sau cùng, Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và các chứng cứ đã được thu thập, có cơ sở xác định: Vào khoảng 17 giờ ngày 28/01/2022, tại công ty ĐVP ở ấp Bình Công, xã BP, thành phố BT, Dương Anh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Trúc L số tiền 67.800.000 đồng.

Với ý thức, hành vi, giá trị tài sản đã chiếm đoạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Dương Anh T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem xét hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện như sau: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng và bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng hoàn cảnh khó khăn, mẹ lớn tuổi, có em út còn nhỏ. Tuy nhiên với mức hình phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố là phù hợp nên được giữ nguyên. Về nhân thân bị cáo có tiền sự nên không đủ điều kiện được hưởng án treo. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Dương Anh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Dương Anh T** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Dương Anh T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về ghi nhận trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- Công an và VKSND thành phố Bến Tre (2b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã BP, TP BT (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tỉnh